

Số: 178/BC-CT

Sơn Dương, ngày 25 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2019

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

1/ Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu: 25.37,48 triệu đồng, trong đó: vốn góp của chủ sở hữu 24.587,26 triệu đồng.

- Tổng tài sản: 28.427,93 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 614,95 triệu đồng

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 2,43 lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 2,16 lần

2/ Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư dự án: Không

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo: Lũy kế đến kỳ báo cáo vay ngân hàng là: triệu đồng.

- Tình hình sử dụng vốn huy động: Chi cho đầu tư xây dựng trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng: triệu đồng; Chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh: 15.293,85 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ sử dụng vốn đã huy động: Công ty chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách

nhệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng.

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Đối với việc đầu tư mua sắm tài sản: Các bộ phận phòng ban, đội sản xuất trên cơ sở thực tế của đơn vị khi cần sửa chữa nhà cửa mua sắm trang thiết bị, đơn vị báo cáo Giám đốc được sự nhất trí của Giám đốc các phòng ban khảo sát để lập dự trù kinh phí các phòng ban ký duyệt sau đó đơn vị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị. số tiền mua là 5 triệu đồng

- Việc trích khấu tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Tổng số khấu hao 6 tháng đầu năm 123,1 triệu đồng

- Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ gửi đến các đơn vị liên quan theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Định kỳ Công ty phân loại các khoản nợ từ đó có biện pháp xử lý thu hồi triệt để. Hạch toán, mở sổ sách kế toán theo dõi công nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ, thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, tuy nhiên việc đối chiếu, ký xác nhận nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ theo quy định.

Đến thời điểm 30/6/2019 công nợ phải thu là 2.116,75 triệu đồng; nợ phải trả là 3.100,44 triệu đồng; công ty không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ là 35,86 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,12 lần.

3/ Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp

a) Về sản lượng sản xuất

- Trồng rừng: được 380ha rừng đạt 108,6% so với kế hoạch năm (kế hoạch năm là 350 ha)

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 13.115 m³ đạt 95,58 % so với năm 2017: 13.721m³; đạt 100,71 %; so với năm 2018: 13.023 m³; so với kế hoạch 20.000 m³ đạt 65,58 %

b) Về các chỉ tiêu tài chính

* Tổng doanh thu 15.043,76 triệu đồng so với năm 2017: 12.082,88 triệu đồng đạt 136,9 %; so với năm 2018: 15.043,76 triệu đồng đạt 109,9 %; so với kế hoạch được giao 22.485 triệu đồng đạt 73,6%

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 16.536,78 triệu đồng so với năm 2017: 12.080,25 triệu đồng đạt 136,89%; so với năm 2018: 14.995,41 triệu đồng đạt 110,28 %; so với kế hoạch được giao 22.485 triệu đồng đạt 73,55%

+ Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ: 13.187,83 triệu đồng so với năm 2017: 9.871,46 triệu đồng đạt 147,26 %; so với năm 2018: 13.187,83 triệu đồng đạt 110,23 %; so với kế hoạch được giao 20.135 triệu đồng đạt 72,2%

+ Doanh thu hoạt động tài chính 0,95 triệu đồng so với năm 2017: 2,63 triệu đồng đạt 36,12 %; so với năm 2018: 1,15 triệu đồng đạt 82,61%

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.253,9 triệu đồng so với năm 2017: 1.601,5 triệu đồng đạt 78,3 %; so với năm 2018: 1.256,5 triệu đồng đạt 99,79%; so với kế hoạch 1.250 triệu đồng đạt 100,31%

+ Thu nhập khác 21,67 triệu đồng so với năm 2018: 1.256,5 triệu đồng đạt 0,46%

+ Chi phí khác 0 triệu đồng;

+ Lợi nhuận khác 21,67 triệu đồng so với năm 2018: 1.256,5 triệu đồng đạt 0,46%

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 768,68 triệu đồng so với năm 2017: 609,92 triệu đồng đạt 126,03 %; so với năm 2018: 599,42 triệu đồng đạt 128,24%; so với kế hoạch: 1.100 triệu đồng đạt 69,88%

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành 153,74 triệu đồng so với năm 2017: 121,98 triệu đồng đạt 126,03 %; so với năm 2018: 119,88 triệu đồng đạt 128,24%; so với kế hoạch được 220 triệu đồng đạt 69,88%

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN: 614,95 triệu đồng so với năm 2017: 487,94 triệu đồng đạt 126,03 %; so với năm 2018: 479,54 triệu đồng đạt 128,24%; so với kế hoạch được 880 triệu đồng đạt 69,88%

c) Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời của Công ty là khá cao vì tài sản rừng của Công ty nhiều, chi phí đầu tư hợp lý. Được thể hiện qua chỉ tiêu:

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế /vốn chủ sở hữu: 3%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 2,43%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 2,16%

d) Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Số dư đầu kỳ: 118,51 triệu đồng

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm thu 35.531,73 triệu đồng và chi ra là 34.325,64 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là 1.325 triệu đồng

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng đầu năm thu 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong 6 tháng đầu là ,0 triệu đồng

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm thu là 0 triệu đồng, chi là 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm là 0 triệu đồng

* Cân đối dòng tiền 6 tháng đầu năm (118,51 triệu đồng + 35.531,73 triệu đồng) – 34.325,64 triệu đồng = 1.325 triệu đồng

Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng cuối năm

**** Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh***

- Dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm thu 30.500,0 triệu đồng và chi ra là 30.000,0 triệu đồng;
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là 500,0 triệu đồng

**** Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư***

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng cuối năm thu 0 triệu đồng.
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong 6 tháng cuối năm là 0 triệu đồng.

**** Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính***

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong 6 tháng cuối năm chi ra là 0 triệu đồng
- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong 6 tháng cuối năm là 0 triệu đồng

**** Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán tiếp theo:*** Dòng tiền lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp nhưng không cao, do doanh thu và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh chỉ vừa đủ cho chi phí sản xuất kinh doanh số dư lưu chuyển tiền từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thấp.

4/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế. Số thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 393 triệu đồng
- Công ty phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ theo đúng điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Số tiền lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm là: 438,81 triệu đồng. Số tiền chi cho khen thưởng phúc lợi là: 330,42 triệu đồng

5/ Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật trong đánh giá tuân thủ và chấp hành các quy định

Công ty chấp hành về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Chấp hành chế độ về thu nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ và đúng quy định; chấp hành tốt các chế độ, chính sách về thuế, tài chính, chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định như:

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế
- Tiền lương, ăn ca cho người lao động: 3.575,75 triệu đồng
- Và các chính sách khác của người lao động như bảo hiểm, kinh phí Công đoàn, chế độ thai sản: 858,59 triệu đồng
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nộp thuế: 393 triệu đồng

6/ Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của Kiểm toán điều chỉnh quyết toán theo biên bản của kiểm toán, thực hiện theo kết luận của kiểm tra tài chính, thực hiện theo kết luận của kiểm tra thuế và ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp khi kiểm tra, thanh tra.

7/ Kết luận:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời được phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

- Cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TQ(B/cáo);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiên Khanh
Nguyễn Tiên Khanh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	13.721,00	13.023,00	20.000,00	13.115,00	95,58	100,71	65,58
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	13.721,00	13.023,00	20.000,00	13.115,00	95,58	100,71	65,58
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.080,25	14.995,41	22.485,00	16.536,78	136,89	110,28	73,55
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.080,25	14.995,41	22.485,00	16.536,78	136,89	110,28	73,55
4. Giá vốn hàng bán	9.871,46	13.187,83	20.135,00	14.536,82	147,26	110,23	72,20
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.208,79	1.807,58	2.350,00	1.999,96	90,55	110,64	85,10
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,63	1,15	0,00	0,95	36,12	82,61	
7. Chi phí tài chính							
8. Chi phí bán hàng							

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.601,50	1.256,50	1.250,00	1.253,90	78,30	99,79	100,31
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	609,92	552,23	1.100,00	747,01	122,48	135,27	67,91
11. Thu nhập khác		47,19		21,67		0,46	
12. Chi phí khác							
13. Lợi nhuận khác		47,19		21,67		0,46	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	609,92	599,42	1.100,00	768,68	126,03	128,24	69,88
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	121,98	119,88	220,00	153,74	126,03	128,24	69,88
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	487,94	479,54	880,00	614,95	126,03	128,24	69,88

CHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

Phó Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Tiến Khanh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu số 02.Đ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	139.099.715	375.943.603	358.522.974	156.520.344
- Thuế GTGT	64.439.455	97.866.402	109.524.501	52.781.356
- Thuế TNDN	74.660.260	153.738.988	124.660.260	103.738.988
- Thuế Xuất, nhập khẩu				0
- Thuế đất		120.286.513	120.286.513	0
- Các khoản thuế khác		4.051.700	4.051.700	0
2. Các khoản phải nộp khác	0	34.493.093	34.493.093	0
- Phí, lệ phí		425.425	425.425	0
- Các khoản phải nộp khác				0
+ Thuế TNCN		34.067.668	34.067.668	0
+ Thuế nhà đất, Tiền thuế đất				0
3. Nợ Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển				
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	241.164.754	438.809.165	330.415.000	349.558.919
3. Quỹ thưởng VCQLDN				0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
(Ký)



Nguyễn Trung Thành

Phó Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Khanh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV làm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

[Tên DN] Công ty TNHH MTV làm nghiệp Sơn Dương

[Loại hình DN] Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)		Chỉ tiêu 2								Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4 Xếp loại		Chỉ tiêu 5 Xếp loại		Xếp loại DN	
Doanh thu và thu nhập khác		Lợi nhuận		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/Vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	A	A	A				
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH		TH	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)						TSNH/NN H (lần)			
22.485,00	16.559,40	A	880	615	24.587	24.587	3,58	2,50	A	22.250,22	620,44	35,86	0	A	A	A				

Lập biểu

(Ký)

Kế toán trưởng

(Ký)

Phó Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Tiến Khanh

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (30/06/2018)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/6/20.. hoặc 31/12/20..	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
1	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(8)/(6)
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác	131,63						

GHI CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Lập biểu
(Ký)


Kế toán trưởng
(Ký)


Phó Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Tiến Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

[Năm 2018 [Kỳ] Báo cáo: 6 tháng đầu năm năm 2019

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nợ ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
A	Tập đoàn						
							
B	Tổng công ty						
							
C	Công ty TNHH MTV làm nghiệp Sơn Dương	16.559,40	768,68	393.016	X		

Kiểm nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Thành

Sơn Dương, ngày 25 tháng 07 Năm 2019

Đại diện chủ sở hữu



Nguyễn Tiến Khanh

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	25.017,58	25.327,48	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.587,26	24.587,26	
2. Quỹ Đầu tư phát triển	430,32	740,22	
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
B. Tổng tài sản	31.659,12	28.427,93	
C. Lợi nhuận sau thuế	479,54	614,95	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH(ROA)	1,92	2,43	X
1. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROE)	1,51	2,16	X

Lập biểu

Kế toán Trưởng

Phó Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Thị Khánh Vân



Nguyễn Trung Thành



Nguyễn Tiến Khanh

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	24.142,99 tr.đ	184,48 tr.đ	tr.đ	25.017,58 tr.đ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.587,26 tr.đ		tr.đ	24.587,26 tr.đ
2. Quỹ Đầu tư phát triển	555,73 tr.đ	184,48 tr.đ	tr.đ	740,22 tr.đ
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	tr.đ	tr.đ	tr.đ	tr.đ
B. Tổng tài sản	30.095,29 tr.đ	tr.đ	3.667,36 tr.đ	28.427,93 tr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do phân phối lợi nhuận sau thuế

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành

Phó Giám đốc doanh nghiệp




Nguyễn Tiến Khanh

